TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HS - ST
Ngày 08 - 5 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Công Chiểu

Bà: Trần Thị Thu Hương

Thư ký phiên toà: Ông Ngô Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 16/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HS ngày 26/4/2018 đối với bị cáo:

Lương Văn T – Sinh ngày: 01/7/1997 tại xã X, huyện Bảo T, tỉnh Lào Cai.

Nơi cư trú: Thôn C 2, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Lương Văn T; Sinh năm: 1973;

Trú tại: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai .

Và bà Hà Thị L; Sinh năm 1973;

Trú tại: Thôn C 2, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân tốt, tại địa phương nơi cư trú bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương nơi cư trú.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 05/01/2018, tạm giam từ ngày 14/01/2018. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giam giữ Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T là bà Trần Thị C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ trụ sở: Số 075, đường T, phường D, thành phố L, tỉnh Lào Cai - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Hạnh T Sinh năm: 1984, Anh Ngô Xuân T; Sinh năm: 1984.

Cùng trú tại: Tổ dân phố số 4, thị trấn T, huyện , tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Ngô Xuân T là chị Nguyễn Hạnh T - Có mặt tại phiên tòa.

Những người làm chứng: Ông Nguyễn Quốc Đ - Có mặt tại phiên tòa

Anh Hà Văn C, chị Hà Thị L, anh Phạm Chí L, chị Lê Thị Quỳnh T - Đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/12/2017, Lương Văn T đi chơi điện tử về, do không có tiền chi tiêu cá nhân Lương Văn T đã nảy sinh ý định tìm nhà dân nào sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản bán lấy tiền để tiêu sài cá nhân. Sau đó bị cáo đi về nhà ông Nguyễn Quốc Đ - Sinh năm 1968, ở tổ dân phố số 04, thị trấn T, huyện B mà trước đó ông Nguyễn Quốc Đ cho bà Hà Thị L là mẹ đẻ của Lương Văn T mượn ở nhờ từ tháng 11/2017. Tại đây, Lương Văn T đã lấy 01 áo mưa để mặc và đem theo 01 mỏ lết, 01 con dao gọt hoa quả, mục đích để sử dụng cậy phá cửa. Tiếp đó, Lương Văn T đi bộ ra đầu ngõ cách nhà ông Nguyễn Quốc Đ khoảng 100 mét thì đi vào vườn sau ngôi nhà đầu tiên giáp ngõ, rồi trèo tường lên mái tôn ngôi nhà này, quan sát thấy cửa vào trong nhà đã khóa nên Lương Văn T tiếp tục đi dọc theo mái nhà về hướng Xuân Giao, rồi tụt theo cột xuống ban công tầng hai của gia đình chị Nguyễn Hạnh T - Sinh năm 1984, ở tổ dân phố số 4, thị trấn T, huyện B. Khi xuống đến ban công, thấy cửa ra vào là loại cửa Inox không khóa, Lương Văn T liền thò tay vào trong tháo then chốt mở cửa ngoài, đẩy cửa nhôm kính không khóa vào trong để đi vào nhà. Vào đến nhà, Lương Văn T dùng chiếc điện thoại Nokia 1208 của mình bật đèn soi đường, rồi đi kiểm tra phòng đầu ở tầng 2 nhưng không phát hiện có tài sản gì. Tiếp đó, Lương Văn T soi đèn điện thoại đi vào, thấy có 02 phòng ngủ đều đóng, vẫn để đèn ngủ bật sáng sợ có người ngủ bên trong nên Lương Văn T đi theo lối cầu thang xuống tầng 1 ngôi nhà, đi vào trong phòng ngủ, đèn ngủ vẫn bật sáng. Lương Văn T kiểm tra trong phòng ngủ phát hiện có 01 chiếc điện thoại LG-F301L, màu trắng đang sạc pin để trên két sắt, Lương Văn T đã tháo sạc lấy điện thoại cho vào túi quần bên phải đang mặc. Sau khi lấy được điện thoại, bị cáo tiếp tục lục tủ nhựa là loại tủ đứng có nhiều ngăn kéo, tại ngăn trên cùng bị cáo phát hiện có để 01 chiếc ví nữ và 01 chiếc chìa khóa của xe máy Honda. Khi bị cáo mở ví ra thấy bên trong ví có số tiền là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 01 đăng ký xe Honda Vision, mang tên Ngô Xuân Thành, bị cáo đã lấy số tiền 150.000đ vào trong túi quần, còn đăng ký xe bị cáo cất vào ví để lại vị trí cũ. Sau đó, bị cáo đi ra gian ngoài quầy hàng bán đồ lưu niệm của gia đình chị Nguyễn Hạnh T bị cáo nhìn thấy chiếc hòm tôn kê sát

tường bên trái nhà, được khóa bằng khóa Việt Tiệp. Bị cáo phát hiện trên mặt tủ quầy hàng có để 01 chùm chìa khóa, bị cáo đã dùng chùm chìa khóa ra mở khóa cửa nhà thì mở được khóa, sau đó bị cáo đã kéo cửa mở hé ra để nếu bị phát hiện sẽ có đường bỏ chạy. Tiếp đó, bị cáo quan sát trong nhà thì nhìn thấy 02 chiếc xe máy, gồm 01 xe máy Honda Air Blade và 01 xe máy Honda Vision, đồng thời lúc này bị cáo đã nảy sinh ý định sẽ lấy trộm luôn xe máy Honda Vision. Sau đó bị cáo tiếp tục đi vào gian phía sau để ô tô, mở cửa bên ghế lái phụ trèo vào trong xe, mở cốp đựng đồ phía trước thấy có 01 túi nilon. Bị cáo mở túi nilon ra thấy bên trong có 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 đều mang tên Ngô Xuân T, bị cáo đã lấy luôn cho vào túi quần. Sau đó bị cáo quay lại phòng ngủ mở tủ lấy chìa khóa xe và giấy đăng ký xe Honda Vision, rồi đi ra dùng chìa khóa mở khóa điện của chiếc xe máy Honda Vision, BKS 24B1-113.45. Sau khi mở được khóa xe, T dắt chiếc xe này đi ra khỏi cửa nhà của gia đình chị Nguyễn Hạnh T, rồi quay lại bê hòm tôn để lên giá để chân và nổ máy điều khiển xe đi về nhà ông Nguyễn Quốc Đ. Về đến nhà, bị cáo lấy 01 thanh sắt là then chốt cửa buồng, có kích thước dài 38,8cm, đường kính 1,2cm, để bẩy làm gẫy khuy khóa hòm tôn. Mở được hòm tôn, bị cáo kiểm tra thấy bên trong hòm có số tiền 870.000đ (*Tám trăm bảy mươi nghìn đồng*), cùng với nhiều loại thẻ nạp Viettel và Vina có mệnh giá khác nhau. Cụ thể thẻ nạp Viettel gồm: 01 thẻ nạp mệnh giá 500.000đ, 10 thẻ nạp mệnh giá 100.000đ và 20 thẻ nạp mệnh giá 20.000đ; Thẻ Vina gồm: 20 thẻ nạp mệnh giá 100.000đ, 08 thẻ nạp mệnh giá 50.000đ và 08 thẻ nạp mệnh giá 20.000đ. Sau đó, Sau khi lấy được những tài sản trên bị cáo đã dùng chiếc xe máy BKS 24B1-113.45 chở hòm tôn, cùng với 01 mỏ lết, 01 con dao gọt hoa quả đi vứt vào thùng rác ở gần cửa hàng xăng dầu 402 thuộc thôn Cù 1 - xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng. Những ngày sau đó bị cáo đã sử dụng số tiền mặt 1.020.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) và toàn bộ số thẻ nạp Viettel, Vina đã trộm cắp được, có trị giá 4.460.000đ (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) vào mục đích chi tiêu cá nhân và nạp thẻ chơi game hết. Tối ngày 01/01/2018 bị cáo đi về nhà mẹ đẻ ở thôn C 2, xã X, huyện B chơi và cất giấu chiếc điện thoại Nokia 1208, cùng với 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Ngô Xuân T ở trong va li quần áo đặt trong ngăn tủ ti vi. Đến sáng ngày 03/01/2018, do hết tiền chi tiêu, bị cáo đã lên mạng xã hội Facebook đăng tin bán chiếc xe máy Honda Vision, thì thấy có nick "Kang Min Ho" nhắn tin muốn mua xe cũ. Khi nhắn tin, trao đổi thì bị cáo biết người này tên là Hà Văn C, kinh doanh dịch vụ cho thuê xe máy ở Sa Pa. Sau đó bị cáo thỏa thuận bán chiếc xe này cho Hà Văn C với giá 7.000.000đ (Bẩy triệu đồng) và hẹn đến chiều sẽ mang xe lên. Khoảng 15 giờ ngày 03/01/2018, bị cáo đi xe máy Honda Vision, BKS 24B1-113.45 đến cửa hàng của Hà Văn C - Sinh năm 1993 ở Tổ 7 - thị trấn S - huyện S - tỉnh Lào Cai. Quá trình thỏa thuận mua bán xe, Hà Văn C có hỏi bị cáo về nguồn gốc xe thì bị cáo nói "Xe này do một người cầm cố hết thời hạn nên mang đi bán, không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật". Sau khi kiểm tra số khung, số máy của xe thấy trùng khớp với đăng ký xe, Hà Văn C đồng ý mua xe với giá 7.000.000đ. Khi thanh toán, bị cáo xin thêm Hà Văn C 300.000đ thì được Hà Văn Cường đồng ý cho bị cáo số tiền này. Đến ngày 04/01/2018, khi được Cơ quan CSĐT Công an

huyện Bảo Thắng thông báo chiếc xe máy Honda Vision, BKS 24B1-113.45 có liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Bảo Thắng, anh Hà Văn C đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cùng đăng ký xe cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 chiếc điện thoại LG-F301L màu trắng, màn hình cảm ứng, cùng số tiền 3.590.000đ là tiền còn lại do T bán xe cho anh Hà Văn C mà có. Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ông Nguyễn Quốc Đ ở tổ dân phố số 04, thị trấn T, huyện B, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 thanh sắt dài 38,8cm, đường kính 1,2cm, hai đầu bị cắt nham nhở.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập, ngày 05/01/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lương Văn T để điều tra về tội trộm cắp tài sản. Đến ngày 06/01/2018, bà Hà Thị L là mẹ đẻ của bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan điều tra công an huyện B 01 điện thoại Nokia 1208, 01 đăng ký xe mô tô số 012098; 01 giấy phép lái xe hạng B2 và 01 đăng ký xe ô tô mang tên Ngô Xuân T để giải quyết theo quy định pháp luật(*Bút lục 19, 20, 22, 25, 36, 76-79, 80-81, 82-85*).

Tại kết luận định định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL - HĐĐG ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Thắng kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 24B1- 113.45 có trị giá là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

- 01 điện thoại di động LG - F301L có giá trị là 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy tổng giá trị tài sản mà bị cáo Lương Văn T đã chiếm đoạt của gia đình chị Nguyễn Hạnh T là 18.230.000đ (Mười tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 14/03/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Lương Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Lương Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản".

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm b, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 07 (Bẩy) đến 09 (Chín) tháng tù về tội " Trộm cắp tài sản". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Nguyễn Hạnh T có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền mặt là 1.020.000đ và trị giá thẻ nạp các loại là 4.460.000đ tổng cộng là 5.480.000đ là tài sản bị cáo đã chi tiêu hết không thu hồi được. Tại phiên tòa chị Nguyễn Hạnh T xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị được 4.750.000đ(Bốn triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng). Nay chị yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 730.000đ (Bẩy trăm ba mươi nghìn đồng). Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo

phải bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Hạnh T số tiền còn lại là 730.000đ (Bẩy trăm ba mươi nghìn đồng).

Về vật chứng: Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia 1208 của bị cáo Lương Văn T; 01 thanh sắt dài 38,8 cm, đường kính 1,2 cm đây là thanh chốt cửa của ông Nguyễn Quốc Đ là vật chứng bị cáo dùng và sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Ông Nguyễn Quốc Đ không yêu cầu nhận lại nên cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng để phục vụ cho công tác xét xử và thi hành án. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu chiếc điện thoại của Lương Văn T để sung công quỹ nhà nước; Tịch thu 01 thanh sắt dài 38,8 cm, đường kính 1,2 cm là vật chứng không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, hại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo Lương Văn T trình bầy, phân tích đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, những tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn T 07 (Bẩy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát là bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho chị Nguyễn Hạnh T số tiền còn lại là 730.000đ.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp và đúng với trình tự thủ tục tố tụng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp khách quan với biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án, thể hiện: Do không có tiền chi tiêu cá nhân Lương Văn T đã nảy sinh ý định tìm nhà dân nào sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản. Ngày 28/12/2017 Lương Văn T từ nơi ở của mình tại tổ dân phố số 4, thị trấn T lấy 01 áo mưa để mặc và đem theo 01 mỏ lết, 01 con dao gọt hoa quả, mục đích để sử dụng cậy phá cửa để thực hiện hành vi phạm tội. Sau đó bị cáo đi bộ ra đầu ngõ cách nhà ông Nguyễn Quốc Đ khoảng 100 mét thì đi vào vườn sau ngôi nhà đầu tiên giáp ngõ, rồi trèo tường lên mái tôn ngôi nhà này và đi dọc theo mái nhà về hướng Xuân Giao, rồi tụt theo cột xuống ban công tầng hai của gia đình chị Nguyễn Hạnh T - Sinh năm 1984, ở tổ dân phố số 4, thị trấn T, huyện B. Đột nhập vào trong nhà chị Nguyễn Hạnh T, Lương Văn T dùng chiếc điện thoại Nokia 1208 của mình bật đèn soi đường và lục soát trong nhà chị Nguyễn Hạnh T đã lấy được 01 chiếc điện thoại LG-F301L, màu trắng đang sạc pin để trên két sắt; 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) trong chiếc ví nữ để trong tủ nhựa; 01 đăng ký xe Honda Vision, mang tên Ngô Xuân T, 01chiếc hòm tôn; 01 xe máy Honda Vision; 01 đăng ký xe ô tô, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 đều mang tên Ngô Xuân T. Sau khi lấy được toàn bộ những tài sản trên bị cáo đi xe về nhà ông Nguyễn Quốc Đ mà bị cáo ở nhờ. Khi về đến nhà, Lương Văn T lấy 01 thanh sắt là then chốt cửa buồng, có kích thước dài 38,8cm, đường kính 1,2cm, để bẻ gẫy khuy khóa hòm tôn. Mở được hòm tôn, bị cáo kiểm tra thấy bên trong có số tiền 870.000đ (*Tám trăm bảy mươi nghìn đồng*), cùng với nhiều loại thẻ nạp Viettel và Vina có mệnh giá khác nhau. Cụ thể, thẻ nạp Viettel gồm: 01 thẻ nạp mệnh giá 500.000đ, 10 thẻ nạp mệnh giá 100.000đ và 20 thẻ nạp mệnh giá 20.000đ; Thẻ Vina gồm: 20 thẻ nạp mệnh giá 100.000đ, 08 thẻ nạp mệnh giá 50.000đ và 08 thẻ nạp mệnh giá 20.000đ. Sau đó bị cáo đã dùng chiếc xe máy BKS 24B1-113.45 chở hòm tôn, cùng với 01 mỏ lết, 01 con dao gọt hoa quả đi vứt vào thùng rác ở gần cửa hàng xăng dầu 402 thuộc thôn C 1, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Những ngày sau, Lương Văn T đã sử dụng số tiền 1.020.000đ (*Một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng*) và toàn bộ số thẻ nạp Viettel, Vina đã trộm cắp được, có trị giá 4.460.000đ (*Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) vào mục đích chi tiêu cá nhân và nạp thẻ chơi game hết.

Đến tối ngày 01/01/2018, Lương Văn T đi về nhà mẹ đẻ ở thôn C 2, xã X, huyện B chơi và cất giấu chiếc điện thoại Nokia 1208, cùng với 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên Ngô Xuân T ở trong va li quần áo đặt trong ngăn tủ ti vi. Đến sáng ngày 03/01/2018, do hết tiền chi tiêu, bị cáo đã lên mạng xã hội Facebook đăng tin bán chiếc xe máy Honda Vision, thì kết nối được với Hà Văn C - Sinh năm 1993 ở Tổ 7, thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai. Sau đó, Lương Văn T thỏa thuận bán chiếc xe này cho Hà Văn C với giá 7.000.000đ và Lương Văn T xin thêm Hà Văn C 300.000đ thì được C đồng ý. Đến ngày 04/01/2018, khi được Cơ quan CSĐT Công an huyện Bảo Thắng thông báo chiếc xe máy Honda Vision, BKS 24B1-113.45 có liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện B, anh Hà Văn C đã tự nguyện giao nộp chiếc xe cùng đăng ký xe cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 chiếc điện thoại LG-F301L màu trắng, màn hình cảm ứng, cùng số tiền 3.590.000đ là tiền còn lại do bị cáo bán xe cho anh Hà Văn C mà có.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ông Nguyễn Quốc Đ ở tổ dân phố số 04, thị trấn T, huyện B, Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 thanh sắt dài 38,8cm, đường kính 1,2cm, hai đầu bị cắt nham nhở là công cụ Lương Văn T sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội.

Tại kết luận định định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 02/KL - HĐĐG ngày 12/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bảo Thắng kết luận: 01 xe máy nhãn hiệu HonDa Vision, biển kiểm soát 24B1- 113.45 có trị giá là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).

- 01 điện thoại di động LG - F301L có giá trị là 750.000đ (Bẩy trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy tổng giá trị tài sản mà Lương Văn T đã chiếm đoạt của gia đình chị Nguyễn Hạnh T gồm tiền mặt 1.020.000đ, tiền trị giá thẻ các loại là 4.460.000đ, tiền trị giá chiếc xe máy biển kiểm soát 24B1-113.45 là 12.000.000đ, tiền trị giá chiếc điện thoại di động LG-F301L là 750.000đ. Tổng cộng trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt tài sản của gia đình chị Nguyễn Hạnh T là 18.230.000đ (Mười tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lương Văn T đã phạm tội " Trộm cắp tài sản" theo Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 như kết luận của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương. Xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý bị cáo và lên một mức án phù hợp tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo Lương Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 đó là bị cáo đã tích cực tác động với gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Gây thiệt hại không lớn, tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác về nhân thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bản thân có nơi cư trú rõ ràng, ở địa phương nơi cư trú bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Do vậy khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần cân nhắc xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự đối với bị

cáo và cũng không cần tách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao bị cáo cho địa phương nơi cư trú quản lý và giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và gia đình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Liên quan trong vụ án còn có anh Hà Văn C là người đã mua chiếc xe biển kiểm soát 24B1- 113.45 do bị cáo phạm tội mà có. Tại thời điểm mua bán xe anh Hà Văn C không biết về nguồn gốc xe là do Lương Văn T phạm tội mà có. Nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Hà Văn C. Xét thấy là phù hợp, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với ông Nguyễn Quốc Đ là người cho bị cáo ở nhờ căn nhà, bị cáo đã mang tài sản trộm cắp được về cất giấu. Tuy nhiên ông Nguyễn Quốc Đ không biết và không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Do vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Nguyễn Quốc Đ là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với bà Hà Thị L là mẹ đẻ của Lương Văn T là người giao nộp 01 điện thoại Nokia 1208 và 01 đăng ký xe mô tô số 012098, 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 và 01 đăng ký xe ô tô mang tên Ngô Xuân T cho cơ quan điều tra. Xét thấy việc bị cáo Lương Văn T đem tài sản về cất giấu bà Hà Thị L không biết. Khi được thông báo bà đã giao nộp cho cơ quan điều tra. Nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra **c**hị Nguyễn Hạnh T có yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền và tài sản chưa thu hồi được là 5.480.000đ. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Hạnh T xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường được cho chị là 4.750.000đ nay chỉ còn lại 730.000đ chị có yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp cho chị. Xết thấy yêu cầu của chị là có căn cứ nên cần áp dụng Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lương Văn T phải bồi thường cho gia đình chị Nguyễn Hạnh T số tiền là 730.000đ (Bảy trăm ba mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

Đối với chiếc hòm tôn là tài sản của gia đình chị Nguyễn Hạnh T, trị giá không lớn. Sau khi lấy được tài sản trong hòm bị cáo đã đem đi vứt tại thùng rác ở gần cửa hàng xăng dầu 402 thuộc thôn C 1, xã X, huyện B nay không truy tìm được chị Nguyễn Hạnh T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 8.450.000đ bà Hà Thị L mẹ đẻ bị cáo và gia đình đã tự nguyện bỏ ra bồi thường cho anh Hà Văn C và chị Nguyễn Hạnh T đến nay bà Hà Thị L và gia đình không yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại. Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Đối với anh Hà Văn C đã nhận đủ số tiền 7.300.000đ đến nay anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản chi phí nào khác. Hội đồng xét thấy là phù hợp nên không xem xét giải quyết.

[8]Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bị hại chị Nguyễn Hanh T 01 xe máy nhãn hiệu Honda Vision biển kiểm soát 24B1-113.45; 01 điện thoại LG F301L màu trắng , màn hình cảm ứng; 01 đăng ký xe máy 24B1-113.45 số 012098 mang tên Ngô Xuân T; 01 đăng ký xe ô tô BKS 24A-087.54 số 020258 mang tên Ngô Xuân T; 01 giấy phép lái xe hạng B2 số 2511690008689 mang tên Ngô Xuân T theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 05/3/2018. Đến nay chị Nguyễn Hạnh T không có yêu cầu gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 chiếc mỏ lết; 01 con dao gọt hoa quả là công cụ bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo khai đã vứt vào thùng rác ở cửa hàng xăng dầu 402 thuộc thôn C 1, xã X, huyện B. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được. Viện kiểm sát không đề cập xử lý. Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia 1208 của bị cáo Lương Văn T; 01 thanh sắt dài 38,8 cm, đường kính 1,2 cm đây là thanh chốt cửa của ông Nguyễn Quốc Đ là vật chứng bị cáo dùng và sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Ông Nguyễn Quốc Đ không yêu cầu nhận lại cơ quan điều tra đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự huyện B để phục vụ cho công tác xét xử và thi hành án. Hội đồng xét xử cần áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên tịch thu chiếc điện thoại của Lương Văn T để sung công quỹ nhà nước; Tịch thu 01 thanh sắt dài 38,8 cm, đường kính 1,2 cm là vật chứng không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

[9] Về án phí:

Bị cáo Lương Văn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn T phạm tội " Trộm cắp tài sản"

1. Về hình phạt:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm b, g, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 08/5/2018.

Giao bị cáo Lương Văn T cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lương Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Hạnh T số tiền là 730.000đ (Bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi xuất chậm trả do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên: Tịch thu 01 chiếc điện thoại Nokia 1208 của bị cáo Lương Văn T hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng để sung công quỹ nhà nước. Tuyên tịch thu 01 thanh sắt dài 38,8 cm, đường kính 1,2 cm là vật chứng không còn giá trị sử dụng hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện bảo Thắng để tiêu hủy.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015**;** Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lương Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Tổng cộng hai khoản là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự."

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại. Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháptỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- PC 81;
- THA HS - DS (03);
- UBND xã X;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS – TA- VP(03).

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Như Long